TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 06 - 9 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tùng.
Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dần.
2. Ông Trần Anh Tuấn.
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày ngày 05/9/2018 và ngày 06/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2018/DSST ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Tấn Đ; địa chỉ: Số nhà 419 HV, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông Đinh Xuân T - Luật sư - Văn phòng Luật sư A1. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Lệ X; địa chỉ: HV, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Ông Nguyễn Đình B1 - Luật sư - Văn phòng luật sư B1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị H; trú tại: HHT, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

2. Ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1; cùng trú tại: CCL, phường TT, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm P và bà Tô Thị Thanh T1: Ông Nguyễn Xuân K; trú tại: LTT, phường TL, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 16/9/2017 và ngày 19/7/2017). Vắng mặt.

3. Ông Lê V, bà Trần D1; cùng trú tại: Thôn W, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Ông Cao Chánh B2; trú tại: NTT, tổ dân phố Z, thị trấn KN, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Bà Tô Thị Thanh B3; trú tại: NTL, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3; cùng trú tại: HV, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk (ông B4 có mặt, bà T3 vắng mặt).

7. Ông Tô Tấn C1; trú tại: HV, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05-9-2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tô Tấn Đ và người đại diện theo ủy quyền về phần tranh chấp tài sản ông Đinh Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Huỳnh Thị Lệ X kết hôn với nhau vào ngày 27-7-2001 có đăng ký hôn tại UBND thị trấn BH, huyện KB (nay là UBND phường AL, thị xã BH), tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, Ng nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà X không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến chồng con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không Đ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Huỳnh Thị Lệ X.

- Về con chung: Giữa tôi và bà X có 02 con chung là Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16-10-2002 và Tô Gia Ng1, sinh ngày 13-02-2008, khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu bà X cấp dưỡng

nuôi con.

- Về tài sản:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố 5, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06/02/2007 mang tên Tô Tấn Đ. Nguồn gốc đất và nhà này là của bố mẹ tôi là ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3 nhận chuyển nhượng lại vào khoảng năm 1977 diện tích thực tế 525m^2. Năm 1995 bố mẹ tôi chia lô đất trên làm 5 phần. Đến ngày 15/9/2000 ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3 viết giấy chuyển nhượng, tặng cho tôi nên tôi xác định đây là tài sản riêng của tôi, tôi không chấp nhận phân chia cho bà X. Tuy nhiên, sau khi bố mẹ tôi cho nhà thì vợ chồng tôi ở và có sửa chữa cơi nới phần tầng trên, căn phòng bếp diện tích khoảng 16m^2, cải tạo lại bếp ăn và công trình vệ sinh, làm thêm phần mái che, sân ở phần trước nhà. Do đó, tôi đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.996,9m^2, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường AL, thị xã BH, đã được UBND thị xã BH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29/4/2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X, nguồn gốc là của bố mẹ tôi là ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3, cho tôi vào năm 2012 thể hiện trong biên bản họp gia đình ngày 14/10/2012. Nhưng bà X xin được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiện canh tác nên UBND thị xã BH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X, nên tôi cũng xác định đây là tài sản riêng của tôi, tôi không chấp nhận phân chia cho bà X.

+ Một lô đất nông nghiệp diện tích 350m^2 tọa lạc tại buôn U2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1 vào năm 2012 hai bên chỉ viết giấy tay với nhau và đã trả đủ tiền, giấy sang nhượng hiện nay bà X giữ nên tôi không cung cấp cho Tòa án được. Đây là tài san chung nên tôi yêu cầu được chia đôi.

+ Một lô đất diện tích 150m^2, tọa lạc tại thôn W, xã PDr, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi và bà X nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê V, bà Trần D1, trú tại thôn W, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk với giá 60.000.000 đồng vào năm 2010, đã trả trước

35.000.000 đồng, còn lại khi nào xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trả đủ tiền, nhưng đến nay cũng chưa thực hiện xong, khi sang nhượng chỉ viết giấy tay với nhau, hiện nay giấy tờ bà X đang giữ, nên tôi không cung cấp cho Tòa án được. Đây là tài sản chung nên tôi yêu cầu được chia đôi.

+ Vốn đầu tư kinh doanh ban đầu bà X quản lý là 300.000.000 đồng. Đây là tài sản chung nên tôi yêu cầu được chia đôi.

+ Số tiền 100.000.000 đồng, tôi và bà X cho ông Cao Chánh B2; trú tại NTT, thị trấn KN, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk vay, hai bên có viết giấy vay tiền, giấy vay tiền bà X giữ, ông Đ không cung cấp cho Tòa án được. Đây là tài sản chung nên tôi yêu cầu được chia đôi.

+ Số tiền 100.000.000 đồng, tôi và bà X cho bà Tô Thị Thanh B3 (chị gái tôi), trú tại NTL, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk vay, khi vay có giấy vay tiền bà X giữ nên anh Đ không cung cấp cho Tòa án được. Đây là tài sản chung nên ông Đ yêu cầu được chia đôi.

+ Đối với số tiền 300.000.000 đồng bà X khai vay của mẹ bà X là bà Phạm Thị H không có nên tôi không có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 19/10/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm tôi rút một phần nội dung yêu cầu về chia tài sản, không yêu cầu xem xét chia các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.996,9m^2, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường AL, thị xã BH, đã được UBND thị xã BH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29/4/2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X.

+ Một lô đất nông nghiệp diện tích 350m^2 tọa lạc tại buôn U2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1 vào năm 2012.

+ Một lô đất diện tích 150m^2, tọa lạc tại thôn W, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê V, bà Trần D1, trú tại thôn W, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

+ Vốn đầu tư kinh doanh ban đầu bà X quản lý là 300.000.000 đồng.

+ Số tiền 100.000.000 đồng ông Đ bà X cho ông Cao Chánh B2; trú tại NTT, Thị trấn KN, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk vay.

+ Số tiền 100.000.000 đồng ông Đ bà X cho bà Tô Thị Thanh B3, trú tại NTL, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk vay.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Tô Tấn Đ kết hôn với nhau và đăng ký vào ngày 27-7-2001 tại UBND thị trấn BH, huyện KB (nay là UBND phường AL, thị xã BH), tỉnh Đắk Lắk. Đến đầu năm 2013, ông Đ không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con tự ý bỏ nhà đi đã mấy năm, sau đó ông Đ quay về nhà làm đơn xin ly hôn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn thương yêu nhau, ông Đ xin ly hôn, nhưng vì con chung nên tôi không chấp nhận ly hôn ông Đ, tôi xin được đoàn tụ, để vợ chồng làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Giữa tôi và ông Đ có 02 con chung là Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16-10-2002 và Tô Gia Ng1, sinh ngày 13-02-2008, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì theo nguyện vọng của hai con, bà X có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000 đồng một tháng.

- Về tài sản: Bà X yêu cầu giải quyết các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố 5, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ. Nguồn gốc đất do bố ông Đ là ông Tô Tấn B4 tặng riêng cho ông Đ, đến năm 2003 tôi và ông Đ xây một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất này, năm 2005 ông Đ tự nguyện lập biên bản nhập vào tài sản chung của vợ chồng (văn bản nảy tôi sẽ cung cấp cho Tòa án sau). Về căn nhà trước kia đã có nhưng chỉ là nhà tạm không ở được nên năm 2003 tôi cùng ông Đ đã làm nhà cấp 4 tạm để ở và đào giếng. Đến năm 2009, tôi cùng ông Đ đã phá bỏ hết và xây mới lại toàn bộ căn nhà này đến năm 2014 làm lại bếp và nhà tắm, mái kèo sắt ở trên, mái che ở dưới, sân xi măng trước nhà, các cửa và cầu thang trong nhà, bếp nấu và công trình nhà vệ sinh. Vì vậy tường của căn nhà này là tường riêng của tôi và ông Đ, không phải tường chung với nhà ông B4 và nhà ông C2 do đó tôi yêu cầu được chia 2/3 tài sản này hoặc giao cho hai con chung.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.996,9m^2, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường AL, thị xã BH, đã được UBND thị xã BH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29-4-2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X, nguồn gốc đất là do

tôi và ông Đ nhận chuyển nhượng, do đó tôi yêu cầu được chia 1/2 tài sản này.

+ Về số nợ chung: Năm 2003 tôi và ông Đ vay của mẹ tôi là bà Phạm Thị H, trú tại HHT, phường LHP, thành phố QN, tỉnh B3 Định số tiền 300.000.000đ để làm ăn, khi vay không lập thành văn bản, mà chỉ nói miệng với nhau, khi nhận tiền có tôi và ông Đ, số nợ này đến nay cũng chưa trả được, nay tôi và ông Đ mỗi người phải trả một nửa cho bà H.

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 20-10-2017 và tại phiên tòa hôm nay bà X xin rút một phần nội dung yêu cầu chia tài sản và khoản nợ, gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3996,9m^2 ở phường AL, thị xã BH, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BU 090534, ngày 29/4/2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X.

+ Khoản nợ 300.000.000 đồng vay của bà Phạm Thị H

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ của bà X, khoảng tháng 3 hay tháng 4 năm 2003 bà H cho vợ chồng ông Đ, bà X vay số tiền 300.000.000 đồng, không lãi suất, khi nào bà H cần thì vợ chồng X, Đ phải trả cho bà H. Do là mẹ con trong nhà nên khi bà cho vay không viết giấy tờ, từ khi vay đến nay vợ chồng bà X, ông Đ chưa trả được đồng nào, nay bà H yêu cầu vợ chồng bà X, ông Đ trả số tiền 300.000.000 đồng bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Xuân K trình bày:

- Ông P, bà T1 với ông Đ là con chú bác ruột, ông P, bà T1 không chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 350m^2, tọa lạc tại buôn U2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông cho vợ chồng ông Đ, bà X. Từ trước đến nay vợ chồng ông P, bà T1 và vợ chồng ông Đ, bà X không thực hiện bất cứ giao dịch dân sự nào, nên vợ chồng ông P, bà T1 không liên quan gì đến việc tranh chấp tài sản khi ly hôn giữa vợ chồng ông Đ, bà X.

Ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

- Ông B4, bà T3 là cha mẹ đẻ của ông Đ, quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố 5, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã

BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ. Nguồn gốc đất và nhà này, nguyên là của ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3 nhận chuyển nhượng lại vào khoảng năm 1977 diện tích thực tế 525m^2, đến năm 1995 ông B4 ,bà T3 chia lô đất trên làm 5 lô đất, xây dựng 4 căn nhà xây mái đổ bê tông và chuyển nhượng một lô đất cho người khác. Ngày 15-9- 2000 ông B4, bà T3 viết giấy chuyển nhượng, tặng cho ông Đ, nên ông B4, bà T3 xác định đây là tài sản riêng của ông Đ, không liên quan đến bà X và hiện nay ông B4, bà T3 đang ở liền kề chung tường nhà với ông Đ, nay ông B4 bà T3 không có yêu cầu gì về việc sử dụng tường chung, sau này nếu có tranh chấp chúng tôi sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Ông Tô Tấn C1 trình bày:

Tôi và ông Đ là anh em ruột với nhau, năm 1995 bố mẹ tôi là ông Tô Tấn B4 bà Nguyễn Thị T3 xây bốn căn nhà liền kề chung tường, năm 2000 bố mẹ cho các anh em mỗi người một căn trong đó có cho ông Đ một căn và tôi, hiện nay nhà tôi và nhà ông Đ đang sử dụng chung tường, không có yêu cầu gì về việc sử dụng tường chung, sau này nếu có tranh chấp chúng tôi sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Đối với ông Lê V, bà Trần D1, ông Cao Chánh B2, bà Tô Thị Thanh B3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

*** Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, đã quyết định:**

Căn cứ vào: Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điền 201; khoản 2 Điểu 227; Điều 228 B4 luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Điều 33; Điều 43; Điều 51; khoản 1 Điểu 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào: Khoản 8, khoản 9, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ng đơn ông Tô Tấn Đ.

* Về quan hệ hôn nhân: ông Tô Tấn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị Lệ X.

* Về con chung:

- Giao con chung là Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16/10/2002 cho ông Tô Tấn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

- Giao con chung Tô Gia Ng1, sinh ngày 13-02-2008 cho bà Huỳnh Thị Lệ X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cho nhau.

* Về chia tài sản:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ là quyền sử dụng đất riêng của ông Tô Tấn Đ.

- Nhà ở, giếng nước gắn liền với Quyền sử dụng đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì nhà gồm hai phần: Phần nhà hai tầng tổng diện tích sàn là 13,5mx4mx2=108m^2, kết cấu móng đá hộc, hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch, nên láng xi măng, cửa đi, sàn lầu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc, phần nền lát gạch Ceramic diện tích 96m^2, phần tôn lạnh diện tích 42m^2, cửa kéo sắt bằng công nghệ Đức diện tích 11,4m^2; Phần nhà một tầng có diện tích 12,5mx4m=50m^2, kết cấu móng xây đá hộc, tường chung xây gạch, nền lát gạch Ceramic diện tích 12,5mx4m= 50m^2, cửa đi, trần tôn lạnh, mái lợp tôn thiếc; 01 mái che phía trước cột thép tròn, lợp tôn thiếc, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, phần nền của mái che lót đá 4x6, dày 10mm mặt bê tông xi măng M150, đá 1x2 dày 5cm, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, 01 giếng nước đậy nắp sâu khoảng 13m là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Tô Tấn Đ.

- Bà Huỳnh Thị Lệ X giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ cho ông Tô Tấn Đ.

- Ông Tô Tấn Đ phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Lệ X số tiền chênh lệch

là 133.130.310 đồng.

Áp dụng Điều 357 B4 luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- Đối với tường chung ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3, ông Tô Tấn C1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.996,9m^2, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường AL, thị xã BH, đã được UBND thị xã BH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 090534, ngày 29-4-2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X, ông Đ, bà X rút không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đ về các tài sản gồm: Một lô đất nông nghiệp diện tích 350m^2 tọa lạc tại buôn U2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1. Một lô đất diện tích 150m^2 tọa lạc tại thôn Ư, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê V, bà Trần D1; vốn đầu tư kinh doanh ban đầu bà X quản lý là 300.000.000 đồng; số tiền 100.000.000 đồng cho ông Cao Chánh B2 vay; số tiền 100.000.000 đồng cho bà Tô Thị Thanh B3 vay.

- Đình chỉ giải quyết đối với khoản nợ 300.000.000 đồng của bà Phạm Thị H, do bà X rút không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã thông báo cho bà Phạm Thị H có quyền yêu cầu độc lập theo thông báo số 117/2017/TB-TA ngày 22-11-2017 nhưng bà Phạm Thị H không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 750.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; ông Tô Tấn Đ phải chịu 750.000 đồng tiền chi phí thẩm đinh tại chỗ và định giá tài sản; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Lệ X 750.000 đồng sau khi thu được của ông Tô Tấn Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2018, bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

- Về con chung: Nếu phải ly hôn, bị đơn xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

- Về tài sản chung: Bị đơn xin được chia 2/3 quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 881, tờ bản đồ 06, diện tích 104 m^2 tọa lạc tại tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

**** Ý kiến của ông Nguyễn Đình Bảo - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị Lệ X, trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà X còn tình cảm thương yêu chồng, mâu thuẫn hai người chưa đến mức trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà X bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đ.

- Về con chung: Nếu Tòa án cấp phúc thẩm cho hai người ly hôn thì nên giao hai cháu Tô Đỉnh Ng - Sinh tháng 10/2002 và Tô Gia Ng1 - Sinh tháng 02/2008 cho bà X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18. Là để đảm bảo môi trường và cuộc sống cho hai cháu, bởi vì từ lúc hai cháu mới 3 đến 4 tuổi sống với bà ngoại ăn học phát triển tốt cả thể chất và tinh thần. Ông Đ phải trợ cấp chăm sóc nuôi dưỡng cho hai cháu đến tuổi 18, mỗi tháng 2.000.000 đồng/01cháu/01 tháng.

- Về tài sản: Một ngôi nhà xây hai tầng + các công trình phụ tọa lạc trên diện tích đất 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 6, ở tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ. Nhưng vào ngày 03/5/2007, ông Đ đã đồng ý sáp nhập vào tài sản chung nên hai người đã làm đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở được UBND thị trấn BH, huyện KB (Nay phường TA, thị xã BH) xác nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính một phần công sức cho bà X, để bà X tạo dựng chỗ ở và một phần cho các con ăn học.

- Tòa án cấp sơ thẩm cho ông Đ được ly hôn với bà X, nhưng không tuyên quyền lưu cư cho bà X là có thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quyền lưu cư cho bà X.

**** Ý kiến của ông Đinh Xuân T – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tô Tấn Đ, trình bày:***

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ Ng bản án hôn nhận gia đình sơ thẩm:

Về quan hệ hôn nhân, tình cảm hai người không còn, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra trầm trọng, hai người ly thân từ năm 2013 đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử cho hai người ly hôn.

Về con chung: Hai cháu Tô Đỉnh Ng - Sinh tháng 10/2002 và Tô Gia Ng1 - Sinh tháng 02/2008, từ bé hai cháu đã sống với bà ngoại (bà H). Nay hai người ly hôn nên giao hai cháu cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18, ông Đ và bà X có trách nhiệm nuôi con hàng tháng từ nay cho đến lúc hai cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hôn nhân - Gia đình sơ thẩm. Bác toàn bộ đơn kháng cáo của bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nguyên đơn ông Tô Tấn Đ giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Lệ X đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đ là không được chấp nhận. Bởi vì xét thấy tình cảm của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm cho ông Đ được ly hôn với bà X là có căn cứ.

Về con chung:

Tòa án cấp sơ thẩm giao con Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16/10/2002 cho ông Tô Tấn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi 18. Giao con Tô Gia Ng1, sinh ngày 13/02/2008 cho bà Huỳnh Thị Lệ X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi 18 là chưa xem xét đến nguyện vọng của cháu Ng và cháu Ng1. Từ nhỏ hai cháu Ng và Ng1 sống với bà ngoại ở Bình Định, mọi vấn đề về thể chất tinh thần của hai cháu đều phát triển bình thường, thể lực phát triển tốt, học giỏi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo

của bà X nên giao hai cháu cho bà X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18. Buộc ông Đ trợ cấp nuôi con cho bà X đối với cháu Tô Gia Ng1 sinh tháng 02/2018 đến lúc cháu Ng1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản:

- Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên quyền lưu cư cho bà X sau khi ly hôn, vì bà X chưa có chỗ ở là vi phạm Điều 63 Luật Hôn nhân- Gia đình

- Tại "Đơn khởi kiện xin ly hôn" ngày 05/9/2016 của ông Tô Tấn Đ chỉ yêu cầu xin ly hôn và chia con chung, quá trình giải quyết vụ án ông Đ yêu cầu phân chia các tài sản mà không hướng dẫn ông Đ làm đơn khởi kiện bổ sung và nộp tạm ứng án phí là vi phạm khoản 1 Điều 5 và Điều 146 BLTTDS.

- "Đơn phản tố" ngày 11/01/2017 của bà Huỳnh Thị Lệ X yêu cầu phân chia tài sản diện tích đất 3.996,9m^2 ở tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố 5, phường AL, thị xã BH), thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X, bà X đã nộp tạm ứng án phí. Ngày 19/10/2017 bà X rút một phần đơn phản tố đối với tài sản này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết một phần đơn khởi kiện của bà X là vi phạm khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

- Bà X cung cấp "Giấy xác nhận QSDĐ thổ cư và quyền sở hữu nhà ở" ngày 03/5/2007, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm có liên quan đến nội dung vụ án chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 BLTTDS hủy một phần bản án hôn nhân - Gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ - ST ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/4/2018, Ng đơn bà Huỳnh Thị Lệ X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, phân chia con chung và phân chia lại tài sản chung. Bà X đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X đề nghị bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Tô Tấn Đ, nếu Tòa án chấp đơn khởi kiện xin ly hôn

của ông Đ thì đề nghị Tòa án phân chia lại tài sản chung của hai người và giao các con cho bà X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Đ và bà X kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BH, huyện Krông Buk (Thị xã BH) là phù hợp với quy định pháp luật. Ông Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà X thì cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm thương nhau, bà X mong muốn vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con. Xét tình cảm của vợ chồng bà X mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, hai người sống ly thân từ năm 2013 đến nay, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân - Gia đình năm 2014 cho ông Đ được ly hôn với bà X là có căn cứ, nên kháng cáo của bà X xin được đoàn tụ không được chấp nhận.

[2.2] **Về con chung:** Tòa án cấp sơ thẩm phân chia con chung, giao cháu Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16/10/2002 cho ông Tô Tấn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi 18. Giao cháu Tô Gia Ng1, sinh ngày 13/02/2008 cho bà Huỳnh Thị Lệ X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm hai cháu Ng và Ng1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ cho sống với bà ngoại. Hai cháu sinh sống với bà ngoại từ khi các cháu mới 4 tuổi đến 5 tuổi đến nay, hiện nay hai cháu về thể chất và tinh thần phát triển tốt, học hành đều đạt kết quả tốt. Điều 81 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Do vậy nên giao hai cháu Ng và Ng1 cho bà X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18. Được nuôi con bà X yêu cầu ông Đ trợ cấp nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân - Gia đình năm 2014, xét yêu cầu trợ cấp nuôi con của bà X là hợp lý, song mức trợ cấp mà X đưa ra là quá cao so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Đ trợ cấp nuôi con cho bà X mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng cho hai cháu Tô Đỉnh Ng - Sinh tháng 10 năm 2002 và cháu Tô Gia Ng1 - Sinh tháng 02/2008, thời gian trợ cấp kể từ tháng 9/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy giao hai cháu cho bà X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi 18, nhưng ông Đ vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, bà X không được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét kháng cáo của bà X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia theo pháp

luật đối với trị giá lô đất diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 6, tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố 5, phường AL, thị xã BH), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 217265 cấp ngày 06/02/2007 mang tên Tô Tấn Đ. Bà X có cung cấp được "Giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sử hữu nhà ở" ngày 03/5/2007 được chính quyền địa phương xác nhận ngày 08/5/2007. Hội đồng xét xử xét thấy giấy xác nhận nói trên là để hai người thuận tiện trong việc vay vốn, nhưng ông Đ chưa đồng ý để hai người đăng ký biến động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy, đây là quyền sử dụng đất riêng của ông Tô Tấn Đ. Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 2013 đến nay (theo lời khai của ông Đ), ông Đ bỏ nhà đi sống nơi khác, bà X là người bảo quản ngôi nhà. Hội đồng xét xử nên xem xét công bảo quản ngôi nhà cho bà X trong thời gian qua mỗi năm 10.000.000 đồng, thời gian 05 năm (10.000.000 đồng x 5 năm = 50.000.000 đồng).

Đối với GCNQSDĐ số: AH 217265 cấp ngày 06/02/2007 mang tên Tô Tấn Đ, thế chấp tại Ngân hàng từ năm 2008 đến tháng 01/2014. Sau khi thanh toán xong nợ ông Đ và bà X chưa xóa thế chấp, đây là thủ tục hành chính cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Nhà ở, giếng nước gắn liền với Quyền sử dụng đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố 5, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì nhà gồm hai phần: Phần nhà hai tầng tổng diện tích sàn là 13,5mx4mx2=108m^2, kết cấu móng đá hộc, hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch, nền láng xi măng, cửa đi, sàn lầu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc, phần nền lát gạch Ceramic diện tích 96m^2, phần tôn lạnh diện tích 42m^2, cửa kéo sắt Bằng công nghệ Đức diện tích 1l,4m^2; Phần nhà một tầng có diện tích 12,5mx4m=50m^2, kết cấu móng xây đá hộc, tường chung xây gạch, nền lát gạch Ceramic diện tích 12,5mx4m= 50m^2, cửa đi, trần tôn lạnh, mái lợp tôn thiếc; 01 mái che phía trước cột thép tròn, lợp tôn thiếc, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, phần nền của mái che lót đá 4x6, dày 10mm mặt bê tông xi măng M150, đá 1 x 2 dày 5cm, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, 01 giếng nước đậy nắp sâu khoảng 13m là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Tô Tấn Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia cho bà X số tiền 133.130.3110 đồng, xét thấy việc phân chia một phần giá trị trong khối tài sản này cho bà X là hợp lý. Nên kháng cáo yêu cầu phân chia trị giá nhà và đất không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về quyền lưu cư của vợ hoặc chồng khi ly hôn, bà X hiện nay đang ở

trong ngôi nhà của anh Đ không có ngôi nhà nào khác để sinh sống, sau khi ly hôn rất khó khăn về chỗ ở. Căn cứ Điều 63 Luật Hôn nhân - Gia đình, bà X được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên quyền lưu cư cho bà X là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Từ phân tích nói trên, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Tại Tòa án cấp sơ thẩm hết 1.500.000 đồng nộp, tại Tòa án cấp phúc thẩm hết 3.000.000 đồng đều do bà X nộp. Như vậy, ông Đ phải hoàn trả lại cho bà X số tiền 2.250.000 đồng.

[5]Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm về phần tài sản nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản mình được phân chia.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 59, Điều 62, 63, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Lệ X, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 21/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Tấn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị Lệ X.

[2] Về con chung:

- Giao cháu Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16/10/2002; cháu Tô Gia Ng1, sinh ngày 13/02/2008 cho bà Huỳnh Thị Lệ X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Ông Tô Tấn Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho bà X mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với cháu Tô Đỉnh Ng, sinh ngày 16/10/2002 và cháu Tô Gia Ng1, sinh ngày 13/02/2008 (Mỗi cháu 1.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày

05/10/2016 (ngày thụ lý vụ án).

Ông Tô Tấn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản:

- Ông Tô Tấn Đ được quyền sử dụng định đoạt:

+ Diện tích đất 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06-02-2007 mang tên Tô Tấn Đ.

+ Nhà ở, giếng nước gắn liền với Quyền sử dụng đất có diện tích 104m^2, thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn BH, huyện KB (nay là Tổ dân phố J, phường AL, thị xã BH) đã được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06/02/2007 mang tên Tô Tấn Đ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì nhà gồm hai phần: Phần nhà hai tầng tổng diện tích sàn là 13,5mx4mx2=108m^2, kết cấu móng đá hộc, hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch, nền láng xi măng, cửa đi, sàn lầu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc, phần nền lát gạch Ceramic diện tích 96m^2, phần tôn lạnh diện tích 42m^2, cửa kéo sắt bằng công nghệ Đức diện tích 1l,4m^2. Phần nhà một tầng có diện tích 12,5mx4m=50m^2, kết cấu móng xây đá hộc, tường chung xây gạch, nền lát gạch Ceramic diện tích 12,5mx4m= 50m^2, cửa đi, trần tôn lạnh, mái lợp tôn thiếc; 01 mái che phía trước cột thép tròn, lợp tôn thiếc, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, phần nền của mái che lót đá 4x6, dày 10mm mặt bê tông xi măng M150, đá 1x2 dày 5cm, diện tích 2,9mx4m=11,6m^2, 01 giếng nước đậy nắp sâu khoảng 13m. Tổng trị giá: 380.090.310 đồng.

+ Bà Huỳnh Thị Lệ X phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 được UBND huyện KB (nay là thị xã BH) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 217265 ngày 06/02/2007 mang tên Tô Tấn Đ cho ông Tô Tấn Đ.

- Ông Tô Tấn Đ phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho bà Huỳnh Thị Lệ X số tiền chênh lệch là 133.130.310 đồng và công duy trì bảo quản khối tài sản là 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi có đơn yêu cầu thi hành án.

- Đối với tường chung ông Tô Tấn B4, bà Nguyễn Thị T3, ông Tô Tấn C1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Huỳnh Thị Lệ X và ông Tô Tấn Đ đối với diện tích 3.996,9m^2 có trồng cà phê đã thu kinh doanh ở phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk, tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BU 090534, ngày 29/4/2014 mang tên ông Tô Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Lệ X.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đ về các tài sản gồm: Một lô đất nông nghiệp diện tích 350m^2 tọa lạc tại buôn U2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm P, bà Tô Thị Thanh T1. Một lô đất diện tích 150m^2 tọa lạc tại thôn W, xã PD, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê V, bà Trần D1; vốn đầu tư kinh doanh ban đầu bà X quản lý là 300.000.000 đồng; số tiền 100.000.000 đồng cho ông Cao Chánh B2 vay; số tiền 100.000.000 đồng cho bà Tô Thị Thanh B3 vay.

- Đình chỉ giải quyết khoản nợ 300.000.000 đồng của bà Phạm Thị H, bà X rút không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã thông báo cho bà Phạm Thị H có quyền yêu cầu độc lập theo thông báo số 117/2017/TB-TA ngày 22-11-2017 nhưng bà Phạm Thị H không có yêu cầu độc lập.

[4] Về chi phí thẩm định định và định giá tài sản: Ông Tô Tấn Đ phải hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Lệ X số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 2.250.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ng đơn ông Tô Tấn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 án phí trợ cấp nuôi con và 14.848.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, được khấu trừ số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH theo biên lai số: AA/2014/0039758 ngày 05/10/2016. Ông Đ tiếp tiếp tục phải nộp thêm 15.148.000 đồng.

+ Bị đơn bà Huỳnh Thị Lệ X phải chịu 6.656.515 đồng, được khấu trừ trong số tiền 7.500.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH theo biên lai số: AA/2014/0043217 ngày 12/01/2017. Hoàn trả lại cho bà X 843.485 đồng số tiền tạm ứng án phí còn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Lệ X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà X số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi

cục thi hành án dân sự thị xã BH theo biên lai số: AA/2017/0001159 ngày 13/4/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Cổng TTĐT;*
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *Chi cục THA Tx. BH;*
- *TAND Tx. Buôn Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Tùng